

Bản án số: 03A/2020/DSST

Ngày 14/8/2020

“ V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh Nhung

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea Súp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên

Ngày 14/8/2020 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST- DS, ngày 16/12/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐST-DS, ngày 08/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020; Thông báo dời ngày xét xử số: 80/TB-TA ngày 06/7/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985, có mặt.

Ông Văn Nhật S, sinh năm 1982, vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Văn Nhật S ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2019

- ***Bị đơn:*** Bà Lương Thị Mỹ L, vắng mặt

Trú tại: Thôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Người làm chứng:*** Bà Trương Thị L1, vắng mặt

Trú tại: Thôn B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Văn Nhật S trình bày: Vào ngày 08/12/2015 (âm lịch), tức ngày 17/01/2016 dương lịch tôi Nguyễn Thị Thu H và chồng tôi là ông Văn Nhật S có cho bà Lương Thị Mỹ L vay số tiền là 25.000.000 đồng, đến ngày 26/11/2016 (âm lịch) nhằm ngày 24/12/2016 dương lịch, tôi có cho bà Lương Thị Mỹ L vay tiếp số tiền 6.000.000 đồng. Khi vay tiền chúng tôi đều thỏa thuận viết giấy vay tiền được hai bên cùng ký xác nhận, lãi suất được tính theo lãi suất ngân hàng, thời hạn vay không có chỉ khi nào chúng tôi cần thì sẽ báo trước. Tổng số tiền bà L vay chúng tôi là 31.000.000 đồng.

Hiện nay, đã nhiều lần chúng tôi đề nghị bà Lương Thị Mỹ L thanh toán toàn bộ các khoản vay trên và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, bà L vẫn chưa trả. Do đó chúng tôi yêu cầu bà L phải trả toàn bộ số tiền đã vay của chúng tôi là 31.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ khi vay đến khi bà L trả hết nợ.

Bị đơn bà Lương Thị Mỹ L trình bày:

Tôi thừa nhận toàn bộ chữ viết chữ ký Lương Thị Mỹ L tại giấy vay tiền đề ngày 08/12/2015 (âm lịch) và giấy mượn tiền đề ngày 26/11/2016 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp là chữ viết chữ ký của tôi.

Tuy nhiên tôi không đồng ý với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H. Năm 2015, tôi có chơi huê cùng với bà H với số tiền lấy được là 25.000.000 đồng. Tôi đã đóng lại cho bà H số tiền 21.000.000 đồng và còn nợ lại 4.000.000 đồng. Sau đó, vì điều kiện khó khăn nên tôi mượn tiếp của bà H số tiền 6.000.000 đồng, tôi thỏa thuận với bà H sẽ trả góp 200.000 đồng/ngày và góp 100.000 đồng/ngày (tiền nợ huê) cho đến khi hết số tiền là 10.000.000 đồng. Tôi đã đóng góp được 15 ngày với số tiền 4.500.000 đồng và hiện nay tôi còn nợ bà H 5.500.000 đồng. Tôi đồng ý trả số tiền 5.500.000 đồng vào ngày 25/5/2020 dương lịch.

Người làm chứng bà Trương Thị L1 trình bày:

Vào năm 2015, tôi và bà Lương Thị Mỹ L có chơi hụi với bà Nguyễn Thị Thu H (Bà H là người cầm cái) với thời gian 18 tháng, mỗi tháng đóng 3.500.000 đồng/tháng. Khoảng cuối năm 2015, tôi và bà L có vay tiền của bà H, trong đó tôi vay 40.000.000 đồng, còn bà L vay 25.000.000 đồng. Sau mấy tháng đóng tiền, thì tôi và bà L hốt hụi với số tiền 63.000.000 đồng. Khi hốt được số tiền trên tôi đã trả luôn cho bà H số tiền 40.000.000 đồng còn bà L trả cho bà H 21.000.000 đồng. Việc trả tiền của tôi và bà L cho bà H thì không có giấy tờ xác nhận. Như vậy, tôi được biết trong số tiền 25.000.000 đồng bà L vay của bà H thì bà L đã trả cho bà H 21.000.000 đồng và còn nợ lại 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S khởi kiện yêu cầu bà Lương Thị Mỹ L phải trả số tiền gốc đã vay hai lần là 31.000.000 đồng và lãi suất vay, đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 465; 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là phù hợp.

Về sự vắng mặt của bà Lương Thị Mỹ L Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, nhưng bà L vẫn không có mặt tại Tòa án mà không có lý do nên Tòa án áp dụng Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S về việc yêu cầu bà Lương Thị Mỹ L phải trả cho ông S, bà H số tiền vay hai lần là 31.000.000 đồng và tiền lãi suất vay theo lãi suất của ngân hàng kể từ khi vay đến khi trả xong nợ. Căn cứ vào các giấy vay tiền thể hiện bà Lương Thị Mỹ L vay của bà H, ông S hai lần với tổng số tiền là 31.000.000 đồng. Cụ thể từng lần như sau: Ngày 08/12/2015 (âm lịch), tức ngày 17/01/2016 dương lịch Nguyễn Thị Thu H và chồng là ông Văn Nhật S có cho bà Lương Thị Mỹ L vay số tiền là 25.000.000 đồng, đến ngày 26/11/2016 (âm lịch) nhằm ngày 24/12/2016 dương lịch có cho bà Lương Thị Mỹ L vay tiếp số tiền 6.000.000 đồng, nhưng trong các giấy tờ vay đều không thể hiện lãi suất vay mà chỉ có hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất vay khi nào trả gốc thì tính lãi suất về thời hạn vay khi nào bà H cần tiền thì bà L sẽ trả nợ cho bà H. Bà L thừa nhận trong các giấy vay tiền mà bà H cung cấp cho Tòa án chữ viết và chữ ký là của bà nhưng bà không đồng ý đã vay của bà H tổng cộng 31.000.000 đồng

Về trả nợ: Bà L cho rằng bà đã trả được cho bà H số tiền là 25.500.000 đồng từ việc bà L chơi huê trả 21000.000 đồng, trả góp 15 ngày mỗi ngày 300.000 đồng được 4.500.000 đồng như vậy còn nợ lại bà H 5.500.000 đồng nên bà L chỉ đồng ý trả cho bà H 5.500.000 đồng còn lại bà không chấp nhận, nhưng việc trả tiền đều không có ghi giấy tờ gì, tuy nhiên việc bà L chơi huê cùng với bà H để trừ nợ có bà Trương Thị L1 thôn B, thị trấn E biết.

Theo lời khai của bà Trương Thị L1 bà L1 có biết việc bà L có vay tiền của bà H sau đó hốt huê được 63.000.000 đồng bà L1 trả cho bà H 40.000.000 đồng, bà L trả 21.000.000 đồng nhưng khi trả tiền hai bên cũng không có làm giấy tờ trả nợ, như vậy không có chứng cứ để chứng minh việc bà L trả nợ cho bà H nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hiện nay bà Lương Thị Mỹ L chưa trả tiền vay cho bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S theo các hợp đồng vay ngày 08/12/2015 (âm lịch), tức ngày 17/01/2016 dương lịch, ngày 26/11/2016 (âm lịch) nhằm ngày 24/12/2016 dương lịch, là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay. Do vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S buộc bà Lương Thị Mỹ L phải trả cho ông, bà tổng số tiền vay gốc

là 31.000.000 đồng và lãi suất vay theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày vay theo hợp đồng vay là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Căn cứ Điều 463; 464; 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bà Lương Thị Mỹ L phải trả cho bà H, ông S số tiền gốc là 31.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử, ngày 14/8/2020 cụ thể như sau:

Về tiền lãi: Tại các hợp đồng vay hai bên không thể hiện lãi suất nhưng tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà H và bà L có lời khai tranh chấp về lãi suất do các bên thỏa thuận nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015. Trường hợp các bên có thỏa thuận việc trả lãi suất nhưng không xác định được rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS bằng 10%/năm cụ thể như sau:

- Số tiền vay 25.000.000đ ngày 17/01/2016, tính đến ngày xét xử ngày 14/8/2020 là 1.672 ngày.

(25.000.000 đ x 10%/năm x 1.672 ngày): 360 ngày/năm = 11.611.000 đ;

- Số tiền vay 6.000.000 đ ngày 24/12/2016, tính đến ngày xét xử ngày 14/8/2020 = 1.320 ngày:

(6.000.000 đ x 10%/năm x 1.320 ngày): 360 ngày = 2.200.000 đ;

Tổng cộng tiền lãi: 11.611.000 + 2.200.000 = 13.811.000 đồng. Như vậy tổng cộng bà Lương Thị Mỹ L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Văn Nhật S số tiền vay còn nợ là 44.811.000 đồng. Trong đó tiền gốc vay là 31.000.000 đồng, tiền lãi suất vay 13.811.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 464; khoản 2 468; 469 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S, buộc bị đơn bà Lương Thị Mỹ L phải trả cho bà H, ông S số tiền 31.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H nên bà H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, cần buộc bà Lương Thị Mỹ L phải bào án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 464; 466; khoản 2 Điều 4; 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Văn Nhật S. Tuyên buộc bà Lương Thị Mỹ L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Văn Nhật S tổng số tiền là 44.811.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu tám trăm mười một ngàn đồng). Trong đó: Tiền gốc vay là 31.000.000 đồng, tiền lãi suất vay 13.811.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính tiền lãi chậm thi hành án.

[2] Về án phí: Tuyên buộc bà Lương Thị Mỹ L phải nộp 2.241.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 715.000 đồng theo biên lai thu số 0003134 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk ngày 13/12/2019.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Noinhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Phòng KTNV, TAND tỉnh;
- THADS huyện E;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm